

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HS-ST
Ngày 28-4-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hạnh;

Ông Lương Thanh Nhân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bé D (tên gọi khác: T), sinh năm 1991, tại tỉnh A; địa chỉ thường trú: Tổ 5, khóm V, phường V, thành phố C, tỉnh A; chỗ ở trước khi bị bắt: Thị trấn D, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; số định danh cá nhân: 089091004529; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 và bà Lâm Thị T, sinh năm 1970; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/6/2009, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh A xử phạt 06 tháng tù về tội: “Cướp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2009/HSST ngày 15/6/2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/9/2009, chấp hành xong án phí tháng 2/2010; bị bắt phạm tội quả tang, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 18/10/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T (tên gọi khác: T M), sinh năm 1990, tại tỉnh A; địa chỉ thường trú: Tổ 18, khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh A; chỗ ở trước khi bị bắt: Thị trấn D, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; số định danh cá nhân:

0890990018473; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1963 và bà Tăng A M, sinh năm 1967; có 04 chị em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 05/8/2009, bị Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh A, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Giao cấu với trẻ em” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2009/HSST ngày 05/8/2009, chấp hành hình phạt tù, đến ngày 30/4/2010 được miễn chấp hành phần còn lại, chấp hành xong án phí tháng 9/2009.

- Ngày 09/5/2011, bị Ủy ban nhân dân tỉnh A ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng đối với hành vi xâm phạm sức khỏe của công dân theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 09/5/2011, chấp hành đến ngày 05/6/2013, được miễn chấp hành phần còn lại.

- Ngày 30/7/2015, bị Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh A, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2015/HS-ST ngày 30/7/2015, chấp hành hình phạt tù, đến ngày 04/8/2017 được miễn chấp hành phần còn lại, chấp hành xong án phí tháng 01/2016.

Bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 19/10/2022; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Bé D có mối quan hệ bạn bè làm chung công trình xây dựng ở thị trấn D, huyện D, tỉnh B và đều nghiện ma túy đá (loại Methamphetamine).

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 18/10/2022, D rủ T hùn tiền mỗi người 200.000 đồng đi mua ma túy đá về sử dụng. Do cả hai không có tiền mua ma túy nên D hỏi mượn của người tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) số tiền 400.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 67N1-555.98 chở D đến phòng trọ của người tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực chợ Đ, thành phố T, tỉnh B để ăn uống. Tại đây, T sử dụng mạng xã hội (Messenger) gọi cho người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ mua dùm 400.000 đồng tiền ma túy. H đồng ý và đến dẫn T và D đến khu vực ngã ba Xthuộc thành phố T, tỉnh B, H đến gặp một người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch mua giúp T được 01 gói ma túy. Sau đó, T cất giấu vào trong túi quần của T đang mặc rồi điều khiển xe chở D về tìm chỗ sử dụng. Trên đường về, T đưa gói ma túy mua được cho D cất giấu trong khẩu trang y tế đang đeo. Khoảng 23 giờ cùng ngày, khi T và D

về đến đoạn đường DT744, thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính phát hiện ma túy, bắt giữ cùng với tang vật.

Vật chứng thu giữ: 01 gói nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô hiệu Wave, màu cam biển số 67N1-555.98, số khung RMMWCH6MM71629803, số máy VDP1P52FMH629803

Theo Kết luận giám định số 480/KL-KTHS(MT) ngày 27/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể bị thu giữ gửi giám định là ma túy có khối lượng $M = 0,3779$ gam, loại Methamphetamin. Mẫu vật sau khi giám định hoàn lại $M = 0,2508$ gam.

Đối với xe mô tô hiệu Wave màu cam đen, biển số 67N1-555.98, số khung RMMWCH6MM71629803, số máy VDP1P52FMH629803, xe do ông Huỳnh Văn H (sinh năm 1991, nơi thường trú: Ấp R, xã C, huyện T, tỉnh A) đứng tên đăng ký. Năm 2021, ông H bán xe lại cho một người tên T1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Trần Văn T khai mua xe lại của bạn tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) vào tháng 4/2022.

Tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 03/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Bé D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Trần Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 480/PC09 có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Bé D, người chứng kiến Trần Văn T, cán bộ niêm phong Phan Văn Hữu L; thiếu tá Trần Văn Th (phó trưởng công an xã) và hình dấu đỏ của Công an xã P, thị xã B, tỉnh B (kèm Kết luận giám định số 480/KL-KTHS(MT)) và 01 (một) sim số 988.994.114 (không kiểm tra được số seri).

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô Wave, biển số 67N1-555.98, số máy VDP1P52FMH629803, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không khóa, đã cũ nát, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được) và 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung, màu đen (máy

đã qua sử dụng, không kiểm tra Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được.

Các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, nội dung bản Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 03/4/2022 và Kết luận giám định số 480/KL-KTHS(MT) ngày 27/10/2022.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản bắt người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 18/10/2022, tại đoạn đường DT744 thuộc ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh B, lực lượng Công an phát hiện Trần Văn T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Bé D ngồi sau, trong khẩu trang mà D đang đeo có cất giấu 0,3779 gam, loại Methamphetamine. Trần Văn T và Nguyễn Bé D khai nhận số

ma túy này là do cả hai hùn tiền, cùng nhau đi mua về nhằm mục đích sử dụng. Do đó, hành vi mà các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Việc mua, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là nguy cơ lây nhiễm căn bệnh HIV/AIDS qua con đường tiêm chích ma túy. Loại ma túy mà các bị cáo tàng trữ là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn hút chích ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền giáo dục và vận động toàn xã hội ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích tư lợi đã lén lút hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội.

Về tình tiết định khung hình phạt: Tổng khối lượng Methamphetamine các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép là 0,3779 gam. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên chỉ xét xử ở khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Các bị cáo cùng nhau tham gia bàn bạc, góp tiền chung để mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo D là người đầu tiên khởi xướng rủ rê bị cáo T đi mua ma túy về sử dụng. Cả hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi mua ma túy về nhằm mục đích sử dụng. Do đó mức hình phạt đối với các bị cáo ngang nhau.

Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T là người có nhân thân xấu thể hiện ở việc từng phạm tội và bị kết án cũng như bị xử phạt hành chính. Nhận thấy, các bị cáo sau khi chấp hành xong hình phạt, không cố gắng tu dưỡng đạo đức bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc đối với nhân thân của các bị cáo. Do vậy, đối

với các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 480/PC09 có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Bé D, người chứng kiến Trần Văn T, cán bộ niêm phong Phan Văn Hữu L; thiếu tá Trần Văn Th (phó trưởng công an xã) và hình dấu đỏ của Công an xã P, thị xã B, tỉnh B (kèm Kết luận giám định số 480/KL-KTHS(MT)) có chứa 0.2508 gam Methamphetamine: Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 67N1-555.98, số máy VDP1P52FMH629803, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không khóa, đã cũ nát, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được): Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã tiến hành xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhưng không có kết quả. Đồng thời, theo kết quả xác minh thì chiếc xe này không phải là tang vật trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thị xã B đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe này trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm này chưa có người đến nhận xe. Do đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được) bị cáo T dùng để liên hệ với đối tượng tên Hòa nhờ dẫn đi mua ma túy: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim thuê bao số 988.994.114 (không kiểm tra được số seri): Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

[5] Đối với đối tượng tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi dẫn bị cáo T đi mua ma túy: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bé D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 18/10/2022.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/10/2022.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Bì thư được niêm phong ghi số 480/PC09 có chữ ký của người bị bắt Nguyễn Bé D, người chứng kiến Trần Văn T, cán bộ niêm phong Phan Văn Hữu L; thiếu tá Trần Văn Th (phó trưởng công an xã) và hình dấu đỏ của Công an xã P, thị xã B, tỉnh B (kèm Kết luận giám định số 480/KL-KTHS(MT)) và 01 (một) sim số 988.994.114 (không kiểm tra được số seri).

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô Wave, biển số 67N1-555.98, số máy VDP1P52FMH629803, không kiểm tra được số khung (xe không gương, không khóa, đã cũ nát, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được) và 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung, màu đen (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được).

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B)

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bé D và Trần Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc